

**KINH PHÍ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Dự án: Tuyến đường từ QL4D đến bản Tả Chải - Trung Chải, xã Sùng Phài, thành phố Lai Châu**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Lai Châu)*

TT	Hạng mục chi phí	Căn cứ, cơ sở lập dự toán	Cơ quan thực hiện và phổ hợp thực hiện	Đơn vị tính	Mức chi, đơn giá (đồng)	Số người	Số ngày thực hiện	Khối lượng	Thành tiền (đồng)
<b>I</b>	<b>DỰ TOÁN KINH PHÍ TỔ CHỨC THỰC HIỆN</b>								<b>248.980.330</b>
<b>1</b>	<b>Kinh phí cho Trung tâm phát triển quỹ đất chi cho công tác tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư</b>								<b>116.440.000</b>
<b>2</b>	<b>Chi cho các cơ quan đơn vị liên quan</b>								<b>9.100.000</b>
-	Phòng Tài chính - Kế hoạch								2.000.000
-	Phòng Quản lý đô thị								2.300.000
-	Phòng Kinh tế								2.300.000
-	Phòng Tài nguyên và Môi trường								2.500.000
<b>3</b>	<b>Chi phí trích do bản đồ địa chính phục vụ công tác lập hồ sơ bồi thường và cắm mốc GPMB xây dựng công trình (Đã được phê duyệt tại Quyết định số 2344/QĐ-UBND, ngày 10/12/2021 của UBND thành phố Lai Châu).</b>								<b>123.440.330</b>
<b>II</b>	<b>CHI TIẾT DỰ TOÁN KINH PHÍ TỔ CHỨC THỰC HIỆN (1+2+3+4+5+6+7+8+9)</b>								<b>248.980.330</b>
<b>1</b>	<b>Chi tuyên truyền các chính sách, chế độ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và tổ chức vận động các đối tượng liên quan thực hiện quyết định thu hồi đất</b>	Điểm a, khoản 1, Điều 4, Nghị định 61/2022/TT-BTC; điểm a, khoản 1, điều 4 Nghị quyết 28/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh Lai Châu							<b>5.600.000</b>
<b>2</b>	<b>Chi phát tờ khai, hướng dẫn người bị thiệt hại kê khai</b>	Điểm b, khoản 1, Điều 4, Nghị định 61/2022/TT-BTC; điểm b, khoản 1, điều 4 Nghị quyết 28/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh Lai Châu							<b>1.000.000</b>
<b>3</b>	<b>Chi phí do đặc bản đồ địa chính phục vụ bồi thường GPMB (Theo Quyết định số 2344/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND thành phố Lai Châu)</b>								<b>123.440.330</b>
<b>4</b>	<b>Chi kiểm kê số lượng nhà, công trình, cây trồng, vật nuôi và tài sản khác bị thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất của từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; Chi kiểm tra, đối chiếu giữa tờ khai với kết quả kiểm kê, xác định mức độ thiệt hại với từng đối tượng bị thu hồi đất cụ thể; Chi tính toán giá trị thiệt hại về đất đai, nhà, công trình, cây trồng, vật nuôi và tài sản khác</b>	Điểm b, khoản 1, Điều 4, Nghị định 61/2022/TT-BTC; điểm c, khoản 1, điều 4 Nghị quyết 28/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh Lai Châu							<b>14.500.000</b>
<b>5</b>	<b>Thẩm định, xác nhận các nội dung, thông tin kê khai, kiểm kê đất đai, tài sản trên đất bị thu hồi</b>								<b>2.000.000</b>
<b>6</b>	<b>Chi lập, thẩm định, chấp thuận, phê duyệt, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư từ khâu tính toán các chỉ tiêu, xác định mức bồi thường, hỗ trợ đến khâu phê duyệt phương án, thông báo công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư</b>								<b>25.300.000</b>
<b>6.1</b>	<b>Chi lập phương án, tính toán các chỉ tiêu, xác định mức bồi thường (Cán bộ, viên chức Trung tâm PTQD) Hỗ trợ tiền công làm ngoài giờ</b>								<b>4.800.000</b>
<b>6.2</b>	<b>Chi niêm yết công khai, lấy ý kiến về dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư</b>								<b>4.800.000</b>
<b>6.3</b>	<b>Chi thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư</b>								<b>9.500.000</b>
<b>a</b>	<b>Chi cho việc chỉnh sửa lại phương án bồi thường</b>		Trung tâm phát triển quỹ đất	Đồng/người/ngày	200.000	1	2		400.000
<b>b</b>	<b>Chi cho phòng Tài chính - Kế hoạch</b>								2.000.000
-	<b>Hỗ trợ tiền công làm ngoài giờ cho cán bộ, công chức</b>		Phòng Tài chính - Kế hoạch	Đồng/người/ngày	200.000	2	5		2.000.000
-	<b>Văn phòng phẩm và vật tư văn phòng khác</b>								-
<b>c</b>	<b>Chi cho phòng Quản lý đô thị</b>								2.300.000
-	<b>Hỗ trợ tiền công làm ngoài giờ cho cán bộ, công chức</b>		Phòng Quản lý đô thị	Đồng/người/ngày	200.000	2	5		2.000.000
-	<b>Văn phòng phẩm và vật tư văn phòng khác</b>								300.000
<b>d</b>	<b>Chi cho phòng Tài nguyên và Môi trường</b>								2.500.000
-	<b>Hỗ trợ tiền công làm ngoài giờ cho cán bộ, công chức</b>		Phòng Tài nguyên và Môi trường	Đồng/người/ngày	200.000	2	5		2.000.000
-	<b>Văn phòng phẩm và vật tư văn phòng khác</b>								500.000
<b>đ</b>	<b>Chi cho phòng Kinh tế</b>								2.300.000
-	<b>Hỗ trợ tiền công Chuyên viên làm ngoài giờ</b>			Đồng/người/ngày	200.000	2	5		2.000.000

